



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
(Chương trình Tiên tiến)

Ngành: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Major: Banking – Finance

Chuyên ngành: TÀI CHÍNH

Specialization: Finance

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUY

Type of education: Full - time

Xây dựng từ chương trình đào tạo của Đại học Kinh tế Quốc dân,
Đại học Tổng hợp California, Long Beach và Đại học Tổng hợp California
San Bernardino, Hoa Kỳ
*(Based on the curriculum of the NEU, California State University, Long Beach
and California State University, San Bernardino, USA)*

HÀ NỘI – 2017



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
(Chương trình Tiên tiến)

*(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHKQTĐ ngày ... tháng ... năm 2017
của Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD)*

Ngành: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Major: Banking – Finance

Mã ngành (Code of Major): 7220201

Chuyên ngành: TÀI CHÍNH

Specialization: Finance

Mã chuyên ngành (Code of Specialization): 438

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUY

Type of education: Full - time

**Xây dựng từ chương trình đào tạo của Đại học Kinh tế Quốc dân,
Đại học Tổng hợp California, Long Beach và Đại học Tổng hợp California San
Bernardino, Hoa Kỳ**

*(Based on the curriculum of the NEU, California State University, Long Beach and
California State University, San Bernardino, USA)*

HÀ NỘI – 2017

MỤC LỤC

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra/ Educational Objectives	1
<i>1.1 Mục tiêu đào tạo</i>	<i>1</i>
<i>1.2 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tiên tiến</i>	<i>2</i>
2. Thời gian đào tạo/ Academic program timeline	5
3. Khối lượng kiến thức toàn khóa/ Required total credits	5
4. Đối tượng tuyển sinh/ Enrolment candidates	5
5. Điều kiện tốt nghiệp/ Educational Process and Graduation Requirements	6
6. Thang điểm/ Grading system	6
7. Cấu trúc chương trình/ Program curriculum	7
<i>7.1. Cấu trúc chương trình/ Curriculum Structure</i>	<i>7</i>
<i>7.2. Chi tiết nội dung chương trình đào tạo/ In details</i>	<i>8</i>
8. Kế hoạch giảng dạy/ Standard Course Sequence	13
9. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần/ Course Description	20
9.1. Tiếng Anh (<i>English</i>)	20
9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin Phần 1 (<i>Basic Principle of Marxsim and Leninism part 1</i>)	20
9.3. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin Phần 2 (<i>Basic Principle of Marxsim and Leninism part 2</i>)	21
9.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (<i>Political Revolution Roadmap of Communist Party of Vietnam</i>).....	22
9.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (<i>Ho Chi Minh Ideology</i>).....	23
9.6. Giáo dục thể chất (<i>Physical Education</i>)	24
9.7. Giáo dục quốc phòng (<i>Military Training</i>).....	24
9.8. Viết luận (<i>Writing Skills</i>).....	25
9.9. Kinh tế vĩ mô (<i>Principles of Macroeconomics</i>)	25
9.10. Kinh tế vi mô (<i>Principles of Microeconomics</i>).....	26

9.11. Đại số và giải tích: Ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh (<i>Calculus for Business</i>).....	26
9.12. Tư duy phê phán (<i>Critical Thinking</i>)	26
9.13. Lịch sử văn minh thế giới (<i>Regional and People of the World</i>)	27
9.14. Văn học thế giới (<i>Introduction to World Literature</i>)	27
9.15. Giới thiệu về hệ thống máy tính và các ứng dụng (<i>Office Productivity Software</i>)	27
9.16. Kế toán tài chính căn bản/ Kế toán 1 (<i>Elementary Financial Accounting/ Introductory Accounting 1</i>)	28
9.17. Môi trường pháp lý và các quy định trong kinh doanh (<i>Legal and Regulatory Environment of Business</i>).....	28
9.18. Thống kê kinh doanh (<i>Introduction to Business Statistics</i>)	29
9.19. Địa lý kinh tế (<i>Introduction to Physical Geography</i>)	29
9.20. Môi trường toàn cầu (<i>The Global Enviroment</i>).....	30
9.21. Kinh tế quốc tế (<i>International Economics</i>).....	30
9.22. Kinh tế phát triển (<i>Introduction to Development Economics</i>)	31
9.23. Tài chính kinh doanh (<i>Business Finance</i>).....	32
9.24. Marketing (<i>Principles of Marketing</i>)	32
9.25. Hành vi tổ chức (<i>Organizational Behavior</i>)	32
9.26. Kế toán quản trị (<i>Managerial Accounting</i>)	33
9.27. Kế toán 2 (<i>Introductory Accounting 2</i>)	33
9.28. Đạo đức học căn bản (<i>Introductory Ethics</i>)	34
9.29. Đạo đức kinh doanh (<i>Business Ethics</i>).....	34
9.30. Thị trường vốn (<i>Capital Markets</i>).....	35
9.31. Kinh tế lượng và ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh (<i>Econometrics with Application to Economics and Business</i>)	35
9.32. Kinh doanh quốc tế (<i>International Business</i>).....	35
9.33. Hệ thống thông tin quản lý (<i>Management Information Systems</i>)	36
9.34. Giao tiếp kinh doanh (<i>Business Communication</i>).....	36

9.35. Nguyên lý quản trị (<i>Principles of Management</i>).....	37
9.36. Nguyên lý đầu tư (<i>Investment Principles</i>).....	37
9.37. Quản trị tài chính (<i>Intermediate Financial Management</i>)	37
9.38. Quản trị ngân hàng thương mại (<i>Commercial Bank Management</i>)	38
9.39. Nguyên lý kinh doanh bất động sản (<i>Real Estate Principles</i>)	38
9.40. Nguyên lý bảo hiểm (<i>Insurance Principles</i>)	39
9.41. Chứng khoán thu nhập cố định (<i>Fixed Income Securities</i>)	39
9.42. Quản lý vốn lưu động và lập kế hoạch ngân quỹ (<i>Working Capital Management and Cash Budgeting</i>)	40
9.43. Tài chính cá nhân (<i>Personal Finance</i>)	40
9.44. Tài chính quốc tế (<i>International Finance</i>)	41
9.45. Phân tích danh mục đầu tư (<i>Portfolio Analysis</i>)	41
9.46. Chiến lược và chính sách kinh doanh (<i>Business Strategy and Policy</i>)	42
9.47. Chứng khoán Phái sinh (<i>Derivates</i>)	42
9.48. Chuyên đề về tài chính (<i>Seminar in Financial Management</i>)	43
9.49. Phân tích và quản trị tín dụng (<i>Credit Analysis and Management</i>)	43
9.50. Thực hành quản trị danh mục đầu tư (<i>Applied Portfolio Management</i>)	44
9.51. Chuyên đề thực tập (<i>Final Thesis</i>)	44

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra/ Educational Objectives

1.1 Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân chuyên ngành Tài chính nắm vững kiến thức cơ bản, hệ thống và hiện đại theo chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới về kinh tế, xã hội, quản trị kinh doanh và tài chính ngân hàng; có năng lực phân tích, nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính; có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp và công việc chuyên môn.

Các mục tiêu cụ thể: Nắm vững kiến thức hiện đại và chuyên sâu về Tài chính; Có kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh thông qua cơ hội học tập, trao đổi, giao lưu với các giảng viên nước ngoài và các giảng viên Việt Nam được đào tạo cơ bản từ nước ngoài, giao lưu với các lưu học sinh sang học trong chương trình; Có kỹ năng mềm thích ứng tốt với các môi trường văn hóa doanh nghiệp khác nhau, có lập trường tư tưởng vững vàng, có bản lĩnh và đạo đức kinh doanh đúng đắn, có sức khỏe để đảm nhận tốt các công việc được giao;

Trình độ tin học, tiếng Anh: Thành thạo tin học và tiếng Anh trong giao tiếp và công việc;

Nơi làm việc sau khi tốt nghiệp: Các cơ quan ngân hàng và tài chính ở trung ương hoặc địa phương, các trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức ngân hàng và tài chính quốc tế...

Sinh viên có thể được chuyên tiếp để lấy bằng đại học của Hoa Kỳ và của Hà Lan.

Overall objective: Students of the Bachelor of Finance in English program will receive a world-class education in socio-economics, enterprise management and business administration, developing in good health and moral the skills necessary to effectively assess, analyze, research and resolve banking and financial issues. Students also have ability to use English in communicating and working.

Specific objective: Students will gain deep knowledge in Finance. They also can communicate in English throughout the chance of studying, exchange of student and the opportunities learn with foreign teacher or Vietnamese teachers who have experienced in training abroad. Students will be learned soft skills to adapt with the business environment, different corporate culture, strong ideological, business ethics, and good health to undertake the pressure working places.

Computer and English skills: Proficient in English communication and working places;

After graduation: Graduates will be well prepared to work in local, central, and international organizations, enterprises, universities, and research institutes as researcher, lecturer.

Students can be transferred to get Bachelor degree in the United States or Netherlands.

1.2 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Tiên tiến

1.2.1 Kiến thức:

Kiến thức cơ bản:

- Có trình độ lý luận Chính trị Mác-Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh theo chuẩn chung của ĐH Kinh tế Quốc dân;

- Có kiến thức cơ bản và vận dụng thành thạo kiến thức về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có thể giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận cơ bản trong học tập, nghiên cứu khoa học và giải quyết các vấn đề thực tế căn bản trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

Kiến thức chuyên sâu:

- Thực hiện và vận dụng thành thạo kiến thức hiện đại về tài chính tiền tệ, chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ, hoạt động ngân hàng và thị trường tài chính; kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản trị tài chính, quản trị tài chính doanh nghiệp: nghiệp vụ đầu tư và thẩm định dự án, huy động vốn và quản trị tài chính ngắn hạn; lập kế hoạch và dự báo tài chính; quản trị rủi ro tài chính doanh nghiệp và quản trị rủi ro các hoạt động trong chuyên ngành Tài chính; có khả năng liên thông với các chương trình đào tạo quốc tế trình độ thạc sĩ.

- Hiểu và chấp hành tốt các chính sách quản lý của nhà nước trong lĩnh vực Tài chính: có khả năng nghiên cứu, đánh giá và góp ý kiến để bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các chính sách về tài chính.

1.2.2 Kỹ năng

Kỹ năng chuyên môn:

- Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ cơ bản liên quan tới các công việc chuyên môn thuộc chuyên ngành Tài chính: áp dụng tốt kỹ năng tìm kiếm và khai thác thông tin chuyên ngành làm cơ sở để ra các quyết định đầu tư, hoạch định tài

chính và các quyết định tài chính doanh nghiệp; có khả năng hoàn thành tốt các công việc chuyên môn;

- Có hiểu biết về các công việc quản trị điều hành các đơn vị thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng;

- Thực hiện được các công việc phân tích, đánh giá, tư vấn chính sách và các quy định liên quan thuộc chuyên ngành Tài chính;

- Có kỹ năng sử dụng các công cụ phân tích định lượng và định tính, nghiên cứu các vấn đề cơ bản và chuyên sâu liên quan tới chuyên môn thuộc chuyên ngành Tài chính; vận dụng lý thuyết để giải quyết những vấn đề nghiệp vụ thực tế; khả năng thực hành, thích nghi với nghiệp vụ thực tế tốt.

Kỹ năng mềm:

- Kỹ năng giao tiếp: có tác phong chuyên nghiệp và khả năng hoàn thành mục tiêu trong giao dịch với các chủ thể liên quan; khả năng tiếp nhận yêu cầu và tạo dựng sự hài lòng trong giao tiếp với các đối tượng khách hàng được phân công;

- Kỹ năng thuyết trình các vấn đề về chuyên môn: có kỹ năng tổ chức trình bày, diễn đạt và truyền đạt tốt các vấn đề chuyên môn, giúp cho người nghe có thể hiểu rõ, thuyết phục và tạo sự đồng thuận của người nghe;

- Kỹ năng tư duy độc lập: có kiến thức cơ sở vững chắc, kỹ năng tiếp cận, tư duy và tìm được phương án tốt nhất để giải quyết các vấn đề một cách độc lập;

- Kỹ năng làm việc theo nhóm: có kỹ năng tổ chức làm việc theo nhóm, chia sẻ ý kiến và thảo luận với các thành viên trong nhóm; có khả năng lãnh đạo nhóm, phân công nhiệm vụ, tạo động lực, giám sát hoạt động của nhóm, định hướng và nêu các ý tưởng mới về công việc, về sản phẩm của nhóm, tổng kết các vấn đề đưa ra thảo luận nhóm;

1.2.3 Thái độ

- Có phẩm chất đạo đức tốt; ý thức đầy đủ và tuyệt đối tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có tinh thần trách nhiệm công dân theo các tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Quyết định số 0/2007/QĐ-BGD&ĐT;

- Có trách nhiệm cao với các công việc được giao; luôn có tinh thần cầu thị,

xây dựng và thực hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp; có tư cách, tác phong đáp ứng chuẩn mực của ngành; tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp; có trách nhiệm xã hội tốt đối với tập thể đơn vị và đối với cộng đồng;

- Tinh thần, thái độ phục vụ tận tụy; tôn trọng khách hàng; tuân thủ các quy định về chuyên môn nghiệp vụ; tuân thủ luật pháp và quy định của cơ quan làm việc; có ý thức xây dựng tập thể đơn vị;

- Luôn ý thức và có khả năng tốt trong cập nhật kiến thức để tự nâng cao trình độ chuyên môn; luôn chủ động, sáng tạo trong công tác

1.2.4 Về ngoại ngữ

Căn cứ vào Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/1/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra ngoại ngữ trình độ đại học áp dụng từ K59, hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, sinh viên thuộc các chương trình Tiên tiến đạt chuẩn về trình độ tiếng Anh tương đương cấp độ C1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu (tương đương bậc 5 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). (hoặc tương đương).

1.2.5 Về kỹ năng tin học

Căn cứ vào Quyết định số: 777/QĐ-ĐHKTQD ngày 05/6/2017 về việc ban hành chuẩn đầu ra tin học trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân áp dụng từ khóa 59, hình thức đào tạo Chính Quy, sinh viên Chương trình Tiên tiến trước khi xét tốt nghiệp phải đạt một trong các chứng chỉ tin học sau đây:

a. Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification). Là chuẩn quốc tế về sử dụng máy tính và Internet do tổ chức Certiport của Mỹ cấp.

b. Chứng chỉ tin học quốc tế ICDL (phần cơ bản)

ICDL là từ viết tắt của “International Computer Driving Licence” – Bộ chứng chỉ kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) quốc tế - tên gọi trên phạm vi quốc tế của bộ chứng chỉ chuẩn châu Âu ECDL (European Computer Driving Licence), sau khi ECDL được phổ biến và công nhận rộng rãi ở các nước châu Âu.

c. Chứng chỉ tin học quốc tế MOS

MOS (Microsoft Office Specialist) là bài thi đánh giá kỹ năng tin học văn phòng được sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới với hơn 01 triệu bài thi được tổ chức hàng năm. Đây là chứng chỉ do Microsoft cấp nhằm công nhận mức độ hiểu biết và khả năng sử dụng của cá nhân đối với các ứng dụng văn phòng của Microsoft như:

Word, Excel, Powerpoint, Access, Outlook.

d. Chứng chỉ tin học Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản do Trường Đại học Kinh tế Quốc dân cấp

Là chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân nhằm xác nhận trình độ, năng lực sử dụng công nghệ thông tin theo Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT- BTTTT ngày 11/03/2014. Chứng chỉ do Trường Đại học Kinh tế Quốc dân tổ chức thi và cấp theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT - BGDDT - BTTTT ngày 21/06/2016.

2. Thời gian đào tạo/ Academic program timeline

Thời gian đào tạo là 4,5 năm, bao gồm cả học tiếng Anh, thực tập và làm chuyên đề thực tập, mỗi năm gồm 2 học kỳ học, mỗi học kỳ gồm 15 tuần học, 3 tuần thi, kiểm tra.

Students are expected to complete the program in 4.5 years, including internship and thesis writing. Each academic year has two 18-week semesters with each semester consisting of 15 weeks of instruction and 3 weeks of review.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa/ Required total credits

Tổng cộng 124 tín chỉ. Không bao gồm kiến thức giảng dạy về bồi dưỡng tăng cường tiếng Anh, an ninh quốc phòng, giáo dục thể chất.

Credits required: credits excluding 36 credits for English improvement, Physical Education and Military Education

4. Đối tượng tuyển sinh/ Enrolment candidates

Những người đã trúng tuyển với kết quả cao vào hệ chính quy trong kỳ tuyển sinh đại học hàng năm vào Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (KTQD), các đối tượng được tuyển thẳng theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) Việt Nam.

Đáp ứng yêu cầu về trình độ tiếng Anh để theo học chương trình đào tạo tiên tiến theo quy định của Trường.

Tự nguyện tham gia vào chương trình đào tạo tiên tiến.

Students will be selected based on a combination of academic achievement and English proficiency:

High scores on the Annual National Entrance Examination held by the National Economics University (NEU) OR demonstrated scholastic achievement meeting the requirements of Vietnam's Ministry of Education and Training (MoET) for automatic admission AND,

Meeting the English proficiency requirements for the Bachelor of Finance in English AND,

Joining the program voluntarily upon NEU's offer of admission.

5. Điều kiện tốt nghiệp/ Educational Process and Graduation Requirements

Theo quy định hiện hành của trường Đại học Kinh tế quốc dân và các quy định riêng biệt trong quy chế đào tạo áp dụng cho các sinh viên theo học chương trình tiên tiến. Cụ thể, sinh viên phải hoàn thành tất cả các phần học bắt buộc cũng như số học phần tự chọn với tổng khối lượng kiến thức tối thiểu là 124 tín chỉ và hoàn thành các học phần về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng. Đồng thời đáp ứng chuẩn đầu ra theo quy định.

Ngoài việc hoàn thành các học phần theo chương trình nói trên, sau mỗi năm học sinh viên phải tham dự bài kiểm tra trình độ tiếng Anh như là một điều kiện để tiếp tục hoặc chuyển tiếp chương trình.

Students will be required to complete all of the required courses and a set of electives for a minimum of 124 credits. Moreover, students must complete the certificate programs in both Military Education and Physical Education in order to graduate.

In addition, annually English proficiency exam is required for advanced programs' students, both for studying over and post graduate education articulation as well.

6. Thang điểm/ Grading system

Các học phần của chương trình Trường Đại học Kinh tế quốc dân và các học phần được xây dựng theo chương trình gốc của CSULB và CSUSB được đánh giá theo thang điểm 10, được ghi cả bằng số và bằng chữ. Thang điểm 10 được quy đổi sang điểm chữ như sau:

The modules of the Advanced Educational Program in National Economics University and the developed modules based on CSULB are evaluated on a scale of 10, both written down under numerically and five letters. Grades 10 is converted in letters as follows:

Loại đạt (Pass)

TT	Thang điểm 10 10-scale	Thang điểm chữ Letter	Thang điểm 4-scale
1	Từ 9,0 đến 10 From 9,0 less than 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 8,9 From 8,5 less than 8,9	A	4,0

3	Từ 8,0 đến 8,4 From 8,0 less than 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,9 From 7,0 less than 7,9	B	3,0
5	Từ 6,5 đến 6,9 From 6,5 less than 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,4 From 5,5 less than 6,4	C	2,0
7	Từ 5,0 đến 5,4 From 5,0 less than 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,5 đến 4,9 From 4,5 less than 4,9	D	1,0

Loại không đạt (*Failse*):

TT	Thang điểm 10 10-scale	Thang điểm chữ Letter	Thang điểm 4 4-scale
1	Dưới 4,5 Less than 4,5	F	0,0

7. Cấu trúc chương trình/ Program curriculum

7.1. Cấu trúc chương trình/ Curriculum Structure

STT	Khối kiến thức	Số TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương/ <i>General Education</i>	28
1.1	Phần bắt buộc/ <i>Compulsory Courses</i> (Không bao gồm học phần về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Tiếng Anh/ <i>Excluding Physical Education and Military Education</i>)	22
1.2	Phần tự chọn/ <i>Selective Courses</i>	6
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp/ <i>Professional Education</i>	96
2.1	Kiến thức bắt buộc cơ sở của khối ngành/ <i>Compulsory Courses</i>	6
2.2	Kiến thức bắt buộc của ngành/ <i>Compulsory courses in the Major</i>	39
2.3	Kiến thức tự chọn của ngành/ <i>Elective courses in the Major</i>	6

2.4	Kiến thức bắt buộc của chuyên ngành/ <i>Compulsory courses of Specialization</i>	21
2.5	Kiến thức lựa chọn của chuyên ngành/ <i>Elective courses of specialization</i>	12
2.6	Kiến thức bổ trợ, thực tập nghề nghiệp và nghiên cứu cuối khoá/ <i>Independent Thesis</i>	12
	Tổng số tín chỉ	124

7.2. Chi tiết nội dung chương trình đào tạo/ *In details*

STT học phần	STT trong tổ hợp	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy
Kiến thức giáo dục đại cương/ <i>General Education</i>					
Phần bắt buộc/ <i>Compulsory Courses</i>					
1	1	LLNL1103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 <i>Basic Principles of Marxsim-Leninism 1</i>	2	Tiếng Việt
2	2	LLNL1104	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 <i>Basic Principles of Marxsim-Leninism 2</i>	3	Tiếng Việt
3	3	LLTT1107	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	Tiếng Việt
4	4	LLDL1101	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Political Revolution Roadmap of the Communist Party of Vietnam</i>	3	Tiếng Việt
5	5	TA 001	Bồi dưỡng kỹ năng Tiếng Anh <i>English</i>	(36)	
6	6	ENGL 100	Viết luận <i>Writing Skills</i>	3	Tiếng Anh
7	7	MATH 115	Đại số và giải tích: Ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	3	Tiếng Anh

			<i>Calculus for Business</i>		
8	8	IS 233	Giới thiệu về hệ thống máy tính và các ứng dụng <i>Office Productivity Software</i>	3	Tiếng Anh
9	9	GDTC	Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>		Tiếng Việt
10	10	GDQP	Giáo dục quốc phòng <i>Military Education</i>		Tiếng Việt
11	11	PSYC 130	Tư duy phê phán <i>Critical Thinking</i>	3	Tiếng Anh
Phần tự chọn/ Selective Courses					
		Các học phần tự chọn (chọn 1 trong số các môn sau) <i>Selective courses (select 1 course)</i>			
12	1	SSCI 165	Lịch sử văn minh thế giới <i>Regional and People of the World</i>	3	Tiếng Anh
13		CWL 100	Văn học thế giới <i>Introduction to World Literature</i>	3	Tiếng Anh
		Các học phần tự chọn (chọn 1 trong số các môn sau) <i>Selective courses (select 1 course)</i>			
14	2	GEOG 140	Địa lý kinh tế <i>Introduction to Physical Geography</i>	3	Tiếng Anh
15		GEOG 101	Môi trường toàn cầu <i>The Global Environment</i>	3	Tiếng Anh
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp/ Professional Education					
		Kiến thức bắt buộc cơ sở của khối ngành/ Compulsory courses			
16	1	ECON 100	Kinh tế vĩ mô <i>Principles of Macroeconomics</i>	3	Tiếng Anh
17	2	ECON 101	Kinh tế vi mô	3	Tiếng

			<i>Principles of Microeconomics</i>		Anh
Kiến thức bắt buộc của ngành/ <i>Compulsory courses in the Major</i>					
18	1	IS 301	Giao tiếp kinh doanh <i>Business Communication</i>	3	Tiếng Anh
19	2	ACCT 201	Kế toán tài chính căn bản/ Kế toán 1 <i>Elementary Financial Accounting/ Introductory Accounting 1</i>	3	Tiếng Anh
20	3	BLAW 320	Môi trường pháp lý trong kinh doanh <i>Legal and Regulatory Environment of Business</i>	3	Tiếng Anh
21	4	STAT 118	Thống kê kinh doanh <i>Introduction to Business Statistics</i>	3	Tiếng Anh
22	5	ACCT 212	Kế toán 2 <i>Introductory Accounting 2</i>	3	Tiếng Anh
23	6	MATH 115B	Kinh tế lượng và ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh <i>Econometrics with Application to Economics and Business</i>	3	Tiếng Anh
24	7	ACCT 202	Kế toán quản trị <i>Managerial Accounting</i>	3	Tiếng Anh
25	8	MKTG 300	Marketing <i>Principles of Marketing</i>	3	Tiếng Anh
26	9	CBA 300	Kinh doanh quốc tế <i>International Business</i>	3	Tiếng Anh
27	10	HRM 360	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	3	Tiếng Anh
28	11	MGMT 425	Chiến lược và chính sách kinh doanh <i>Business Strategy and Policy</i>	3	Tiếng Anh
29	12	IS 300	Management Information Systems <i>Hệ thống thông tin quản lý</i>	3	Tiếng Anh

30	13	MGMT 300	Nguyên lý quản trị <i>Principles of Management</i>	3	Tiếng Anh
Kiến thức tự chọn của ngành/ <i>Elective courses in the Major</i>					
Các học phần tự chọn (chọn 1 trong số các môn sau) <i>Selective courses (select 1 course)</i>					
31	1	PHIL 160	Đạo đức học căn bản <i>Introductory Ethics</i>	3	Tiếng Anh
32		PHIL 400	Đạo đức trong kinh doanh <i>Business Ethics</i>	3	Tiếng Anh
Các học phần tự chọn (chọn 1 trong số các môn sau) <i>Selective courses (1 courses)</i>					
33	2	ECON 372	Kinh tế quốc tế <i>International Economics</i>	3	Tiếng Anh
34		ECON 366	Kinh tế phát triển <i>Introduction to Development Economics</i>	3	Tiếng Anh
Kiến thức bắt buộc của chuyên ngành/ <i>Compulsory courses of Specialization</i>					
35	1	FIN 360	Thị trường vốn <i>Capital Markets</i>	3	Tiếng Anh
36	2	FIN 300	Tài chính kinh doanh <i>Business Finance</i>	3	Tiếng Anh
37	3	NEUFIN 200	Quản trị ngân hàng thương mại <i>Commercial Bank Management</i>	3	Tiếng Anh
38	4	FIN 350	Nguyên lý đầu tư <i>Investment Principles</i>	3	Tiếng Anh
39	5	FIN 400	Quản trị tài chính <i>Intermediate Financial Management</i>	3	Tiếng Anh
40	6	FIN 490	Tài chính quốc tế <i>International Finance</i>	3	Tiếng Anh

41	7	FIN 450	Phân tích danh mục đầu tư <i>Portfolio Analysis</i>	3	Tiếng Anh
Kiến thức lựa chọn của chuyên ngành/ <i>Elective courses of specialization</i>					
<i>Các học phần tự chọn (chọn 4 trong số các môn sau)</i> <i>Selective courses (4 courses)</i>					
42	1	FIN 310	Tài chính cá nhân <i>Personal Finance</i>	3	Tiếng Anh
43		FIN 330	Nguyên lý bảo hiểm <i>Insurance Principles</i>	3	Tiếng Anh
44	2	FIN 340	Nguyên lý kinh doanh bất động sản <i>Real Estate Principles</i>	3	Tiếng Anh
45		FIN 370	Quản lý vốn lưu động và Lập kế hoạch ngân quỹ <i>Working Capital Management and Cash Budgeting</i>	3	Tiếng Anh
46	3	FIN 470	Chuyên đề về tài chính <i>Seminar in Financial Management</i>	3	Tiếng Anh
47		FIN 4345	Phân tích và quản trị tín dụng <i>Credit Analysis and Management</i>	3	Tiếng Anh
48	4	FIN 480	Chứng khoán Phái sinh <i>Derivates</i>	3	Tiếng Anh
49		FIN 485	Chứng khoán thu nhập cố định <i>Fixed Income Securities</i>	3	Tiếng Anh
50		FIN 499A	Ứng dụng quản trị danh mục đầu tư I <i>Applied Portfolio Management</i>	3	Tiếng Anh
51		FIN 499B	Ứng dụng quản trị danh mục đầu tư II <i>Applied Portfolio Management</i>	3	Tiếng Anh
Kiến thức bổ trợ, thực tập nghề nghiệp và nghiên cứu cuối khoá/ <i>Final Thesis</i>					
52	1		Hội thảo về kỹ năng nghề nghiệp <i>Guest speakers and seminars</i>	X	Tiếng Anh

53	2		Chuyên đề thực tập <i>Final Thesis</i>	12	Tiếng Anh
	Tổng số TC			12	
	TỔNG SỐ TC CẢ KHOÁ HỌC			124	

Ghi chú:

(*) Phần bồi dưỡng Tiếng Anh sẽ được thiết kế tùy theo trình độ Tiếng Anh của sinh viên

Note:

(*) English courses will be designed based on students' English level

8. Kế hoạch giảng dạy/ Standard Course Sequence

TT.	Mã số Code	Tên môn học Courses	TC. CR.
Kỳ học 1 Semester 1			
<i>Các học phần bắt buộc Compulsory courses</i>			
1	TA 001	Tiếng Anh 1 <i>English 1</i>	
2	LLNL1103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 <i>Basic Principles of Marxsim-Leninism 1</i>	2
3	LLNL1104	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 <i>Basic Principles of Marxsim-Leninism 2</i>	3
4	GDTC	Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	
Tổng Tín chỉ <i>Total credits</i>			5
Kỳ học 2 Semester 2			

TT.	Mã số Code	Tên môn học Courses	TC. CR.
<i>Các học phần bắt buộc Compulsory courses</i>			
1	TA 001	Tiếng Anh 2 <i>English 2</i>	
2	LLTT1107	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2
3	LLDL1101	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Political Revolution Roadmap of the Communist Party of Vietnam</i>	3
4	GDTC	Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	
5	GDQP	Giáo dục quốc phòng <i>Military Education</i>	
		<i>Tổng Tín chỉ Total credits</i>	5
Kỳ học 3 Semester 3			
<i>Các học phần bắt buộc Compulsory courses</i>			
1	ENGL 100	Viết luận <i>Writing Skills</i>	3
2	ECON 100	Kinh tế vĩ mô <i>Principles of Macroeconomics</i>	3
3	ECON 101	Kinh tế vi mô <i>Principles of Microeconomics</i>	3
4	GDTC	Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	
5	Math 115	Đại số và giải tích: Ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	3

TT.	Mã số Code	Tên môn học Courses	TC. CR.
		<i>Calculus for Business</i>	
6	PSY 130	Tư duy phê phán <i>Critical Thinking</i>	3
Các học phần tự chọn (chọn 1 trong số các môn sau) Selective courses (select 1 course)			
7	SSCI 165	Lịch sử văn minh thế giới <i>Regional and People of the World</i>	3
8	CWL 100	Văn học thế giới <i>Introduction to World Literature</i>	3
Tổng Tín chỉ Total credits			18
Kỳ học 4 Semester 4			
Các học phần bắt buộc Compulsory courses			
1	IS 233	Giới thiệu về hệ thống máy tính và các ứng dụng <i>Office Productivity Software</i>	3
2	ACCT 201	Kê toán tài chính căn bản <i>Elementary Financial Accounting/ Introductory Accounting I</i>	3
3	BLAW320	Môi trường pháp lý và các quy định trong kinh doanh <i>Legal and Regulatory Enviroment of Business</i>	3
4	STAT 118	Thống kê kinh doanh <i>Introduction to Business Statistics</i>	3
5	GDTC	Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	
Các học phần tự chọn (chọn 1 trong số các môn sau) Selective courses (select 1 course)			

TT.	Mã số Code	Tên môn học Courses	TC. CR.
6	GEOG 140	Địa lý kinh tế <i>Introduction Physical Geography</i>	3
7	GEOG 101	Môi trường toàn cầu <i>The Global Environment</i>	3
Các học phần tự chọn (chọn 1 trong số các môn sau) Selective courses (select 1 course)			
9	ECON 372	Kinh tế quốc tế <i>International Economics</i>	3
10	ECON 366	Kinh tế phát triển <i>Introduction to Development Economics</i>	3
Tổng Tín chỉ Total credits			18
Kỳ học 5 Semester 5			
Các học phần bắt buộc Compulsory courses			
1	FIN 300	Tài chính kinh doanh <i>Business Finance</i>	3
2	MKTG 300	Nguyên lý Marketing <i>Principles of Marketing</i>	3
3	HRM 360	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	3
4	ACCT 202	Kế toán quản trị <i>Managerial Accounting</i>	3
5	ACCT 212	Kế toán 2 <i>Introductory Accounting 2</i>	3

TT.	Mã số Code	Tên môn học Courses	TC. CR.
Các học phần tự chọn (chọn 1 trong số các môn sau) <i>Selective courses (select 1 course)</i>			
6	PHIL 160	Đạo đức học căn bản <i>Introductory Ethics</i>	3
7	PHIL 400	Đạo đức kinh doanh <i>Business Ethics</i>	3
		Tổng Tín chỉ <i>Total credits</i>	18
Kỳ học 6 Semester 6			
Các học phần bắt buộc <i>Compulsory courses</i>			
1	FIN 360	Thị trường vốn <i>Capital Markets</i>	3
2	MATH 115B	Kinh tế lượng và ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh <i>Econometrics with Application to Economics and Business</i>	3
3	CBA 300	Kinh doanh quốc tế <i>International Business</i>	3
4	IS 300	Hệ thống thông tin quản lý <i>Management Information Systems</i>	3
5	IS 301	Giao tiếp trong kinh doanh <i>Business Communications</i>	3
6	MGMT 300	Nguyên lý quản trị <i>Principles of Management</i>	3
Tổng Tín chỉ <i>Total credits</i>			18
Kỳ học 7			

TT.	Mã số Code	Tên môn học Courses	TC. CR.
Semester 7			
Các học phần bắt buộc Compulsory courses			
1	FIN 350	Nguyên lý đầu tư <i>Investment Principles</i>	3
2	FIN 400	Quản trị tài chính <i>Intermediate Financial Management</i>	3
3	NEUFIN 200	Quản trị ngân hàng thương mại <i>Commercial Bank Management</i>	3
Các học phần tự chọn (chọn 2 trong số các môn sau) Selective courses (select 2 courses)			
4	FIN 340	Nguyên lý kinh doanh bất động sản <i>Real Estate Principles</i>	3
5	FIN 330	Nguyên lý bảo hiểm <i>Insurance Principles</i>	3
6	FIN 485	Chứng khoán thu nhập cố định <i>Fixed Income Securities</i>	3
7	FIN 370	Quản lý vốn lưu động và lập kế hoạch ngân quỹ <i>Working Capital Management and Cash Budgeting</i>	3
8	FIN 310	Tài chính cá nhân <i>Personal Finance</i>	3
Tổng Tín chỉ Total credits			15
Kỳ học 8 Semester 8			
Các học phần bắt buộc Compulsory courses			
1	FIN 490	Tài chính quốc tế	3

TT.	Mã số Code	Tên môn học Courses	TC. CR.
		<i>International Finance</i>	
2	FIN 450	Phân tích danh mục đầu tư <i>Portfolio Analysis</i>	3
3	MGMT 425	Chiến lược và chính sách kinh doanh <i>Business Strategy and Policy</i>	3
Các học phần tự chọn (chọn 2 trong số các môn sau) Selective courses (select 2 courses)			
1	FIN 480	Chứng khoán phái sinh <i>Derivates</i>	3
2	FIN 470	Chuyên đề về tài chính <i>Seminar in Financial Management</i>	3
3	FIN 4345	Phân tích và quản trị tín dụng <i>Credit Analysis and Management</i>	3
4	FIN 499A	Thực hành quản trị danh mục đầu tư I <i>Applied Portfolio Management I</i>	3
5	FIN 499B	Thực hành quản trị danh mục đầu tư II <i>Applied Portfolio Management II</i>	3
Tổng Tín chỉ Total credits			15
Kỳ học 9			
1		Hội thảo về kỹ năng nghề nghiệp <i>Guest speakers and seminars</i>	X
2		Chuyên đề thực tập <i>Independent Thesis</i>	12
Tổng Tín chỉ Total credits			12
Tổng số TC tối thiểu toàn khoá (không kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và Bồi dưỡng tiếng Anh)			124

TT.	Mã số Code	Tên môn học Courses	TC. CR.
Total credits (excluding physical and defence training and English)			

9. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần/ Course Description

9.1. Tiếng Anh (*English*)

Mã số - *Code*: TA 001

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Đây là nội dung ngoại ngữ chuyên ngành về kinh tế và kinh doanh nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức ngoại ngữ nâng cao về kinh tế và kinh doanh. Chương trình giảng dạy sẽ được thiết kế phù hợp với sinh viên.

This is the fundamental module of English for business and economics aiming at providing students with necessary skills in economics and business.

9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin Phần 1 (*Basic Principle of Marxism and Leninist part 1*)

Mã số - *Code*: LLNL1103

Số tín chỉ - *Credit*: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần trang bị những nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc nghiên cứu và học tập các môn học khác trong chương trình đào tạo cũng như các tri thức khác của nhân loại; cho việc vận dụng các tri thức của sinh viên vào đời sống thực tiễn

Làm tiền đề trực tiếp để nghiên cứu các bộ phận cấu thành khác của chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp cận môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, định hướng tư tưởng - chính trị trong chuyên ngành được đào tạo.

The course equips students with the basic contents of worldview and philosophical methodology of Marxism – Leninism which provide the theoretical basis and the most common methodology for researching, learning other subjects in the curriculum; perceiving other knowledge of mankind and applying it to real life.

Researching other component parts of Marxism – Leninism, approaching content of Ho Chi Minh Ideology course and Revolutionary Policy of the Communist Party of Vietnam course are also premised on the basic contents.

In addition, the course aims to build trustworthy and revolutionary ideal for students, giving them ideological and political orientation in their majors.

9.3. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin Phần 2 (Basic Principle of Marxism and Leninist part 2)

Mã số - Code: LLNL1102

Số tín chỉ - Credit: 3

Điều kiện tiên quyết: LLNL1103

Prerequisites: LLNL1103

Học phần này gồm : Phần 2 và phần 3 trong môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MLN

Phần 2: Học thuyết kinh tế của CN CN Mác – Lenin về PTSX TBCN

Phần 3: Lý luận của CN Mác – Lenin về CNXH

Trong phạm vi lý luận kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác- Lênin, đó là học thuyết giá trị (giá trị lao động); học thuyết giá trị thặng dư; học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Như vậy, trong phần KTCT, nghiên cứu tính quy luật phát sinh và phát triển của CNTB, vạch rõ tính hạn chế về mặt lịch sử của nó; luận chứng về mặt kinh tế sự hình thành các tiền đề khách quan và chủ quan của cách mạng XHCN do sự phát triển những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản .

Kế thừa và phát triển chủ nghĩa Mác, V.I. Lê Nin đó chỉ ra biểu hiện của quan hệ sản xuất TBCN trong điều kiện CNTBĐQ và CNTBĐQNN, qua đó đã bảo vệ nội dung cách mạng của chủ nghĩa Mác, làm phong phú thêm khoa Kinh tế chính trị học và các bộ phận cấu thành khác của chủ nghĩa Mác.

Trong phạm vi của chủ nghĩa xã hội khoa học, đó là những nguyên lý khoa học của chủ nghĩa Mác- Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề có tính quy luật của quá trình hình thành, phát triển hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa và những định

hướng cho hoạt động của giai cấp công nhân trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình.

This module includes: Part 2 and Part 3 of the course. The basic principles of Marxism - Leninism.

Part 2: Economic theory of Marxism - Leninism on the capitalist mode of production

Part 3: Theory of Marxism - Leninism on socialism

Within the scope of economics and political theories of Marxism-Leninism, these are the theories of value (value of labor); theories of surplus value; theories of monopoly capitalism and State monopoly capitalism.

Thus, political economics section will study the regularities in the arising and development of capitalism, clearly outline its restrictions in terms of history; demonstrates with regards to economy the formation of objective and subjective premises of the socialist revolution owing to the development of inherent contradictions of capitalism.

Inheriting and developing from Marxism, V. I. Lenin pointed out the manifestation of capitalist relations of production in the conditions of monopoly capitalism and state monopoly capitalism, through which protected the revolution contents of Marxism, enriched the Faculty of Political economics as well as other components of Marxism.

In the scope of scientific socialism, the course studies the scientific principles of Marxism-Leninism in the historic mission of the working class and the socialist revolutionary process; issues with regularity related to the formation and development process of communist socio-economic formant the orientations for the operation of the working class in the implementation process of its historic mission.

9.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Political Revolution Roadmap of Communist Party of Vietnam)

Mã số - Code:	LLDL1101
Số tín chỉ - Credit:	3
Điều kiện tiên quyết:	LLNL1103, LLNL1102
Prerequisites:	LLNL1103, LLNL1102

Học phần ***Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam*** là 1 trong 3 môn học thuộc khoa học Mác-Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh được giảng dạy trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam. Môn học có quan hệ mật thiết với các môn: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin và môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Nội dung và kết cấu chương trình môn học do Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Giáo dục Đào tạo quy định. Đây là học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy kiến thức. Đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam được xây dựng trên cơ sở vận dụng sáng tạo những nguyên lý của CN Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đất nước Việt Nam trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể. Vì vậy đường lối của Đảng vừa có tính khoa học vừa có tính cách mạng sâu sắc. Thực tiễn chứng minh đường lối đúng đắn và sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố có ý nghĩa quyết định mọi thắng lợi của dân tộc và cách mạng Việt Nam trước đây cũng như hôm nay và mai sau.

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đường lối, quan điểm của Đảng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội từ kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội đến quốc phòng – an ninh, đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế.

*The subject “**Revolutionary way of the Communist Party of Vietnam**” is one of the 3 disciplines of scientific Marxist-Leninism, Ho Chi Minh ideology which is taught in the university education system in Vietnam. The course has a close relationship with the subjects: The basic principles of Marxism-Leninism and subject Ho Chi Minh ideology. Contents and curriculum structure are decided by the Central Board of Science and Education and Ministry of Education. This is a compulsory module for students to accumulate knowledge. Ways of the Vietnam Communist Party is built on the basis of applying the principles of creative Marxism - Leninism, Ho Chi Minh ideology into the practice of Vietnam country in each specific historical period. So the party line has both deeply scientific and revolutionary characteristic. The Practice approving the right policy and ingenious leadership of Communist Party of Vietnam is the factor that decides all the victory of Vietnamese nation and revolutionary in the past as well as today and tomorrow.*

The course equips students with a basic understanding of the ideology, the Party's viewpoint on all aspects of social life from aspects of economy, politic, culture, society, national defense - security, foreign affairs, international economic integration.

9.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (*Ho Chi Minh Ideology*)

Mã số - *Code*: LLDL1101
Số tín chỉ - *Credit*: 2
Điều kiện tiên quyết: LLNL1103, LLNL1102
Prerequisites: LLNL1103, LLNL1102

Học phần gồm 8 chương: Chương mở đầu và 7 chương nội dung.

- Chương mở đầu: làm rõ đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Chương I: Trình bày cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Từ chương II đến chương VII: Trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

The module consists of 8 chapters: Chapter opening and 7 show the content

- Program begins: clarify the object, research methods and meaningful learning of the course Ho Chi Minh ideology

- Chapter I: Presentation basis, the process of formation and development of Ho Chi Minh ideology.

- From chapter II to chapter VII: Presentation of the basic contents of the Ho Chi Minh ideology targeted subject.

9.6. Giáo dục thể chất (*Physical Education*)

Mã số - *Code*: GDTC
Điều kiện tiên quyết: Không
Prerequisites: None

Nội dung ban hành tại Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015 Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học.

Content is stipulated by The Circular No. 25/2015/TT-BGDĐT, dated 14th, October, 2015 issued by the Ministry of Education and Training

9.7. Giáo dục quốc phòng (*Military Training*)

Mã số - *Code*: GDQP
Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites : *None*

Nội dung ban hành tại Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Content is stipulated by The Circular No. 03/2017/TT-BGDĐT, dated 13th., January, 2017 issued by the Ministry of Education and Training.

9.8. Viết luận (*Writing Skills*)

Mã số - *Code*: ENGL 100

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: *None*

Học phần này là nền tảng phục vụ cho kỹ năng viết của sinh viên, tập trung vào thực hành kỹ năng viết. Học phần cũng giúp cho sinh viên lựa chọn những cụm từ hợp lý và phát triển câu, đoạn văn và tập trung vào việc phát triển và tổ chức ý tưởng trong một bài luận tổng quát. Những kỹ năng liên quan tới chính tả và ngữ Tiếng Anh chuẩn cũng được đề cập đến trong môn này.

This course offers intensive practice in every stage of writing process from generating ideas to final proofreading. The writing course also helps students to choose appropriate words to developing sentences and paragraphs. Focus on methods to develop and organize ideas in coherent essays. Conventional mechanics, spelling, and the grammar of standard written English are taught in the course.

9.9. Kinh tế vĩ mô (*Principles of Macroeconomics*)

Mã số - *Code*: ECON 100

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: *None*

Học phần sẽ trang bị những kiến thức nền tảng cho sinh viên, bao gồm tiền tệ và ngân hàng, sự thay đổi giá cả, phân tích thu thập quốc dân, chu kỳ kinh doanh, tăng trưởng kinh tế, chính sách tài khóa, tiền tệ và kinh doanh quốc tế.

This course is designed to provide student knowledge of macroeconomics such as money and banking, price changes, national income analysis, business cycles, economic growth, fiscal and monetary policy, international trade.

9.10. Kinh tế vi mô (*Principles of Microeconomics*)

Mã số - *Code*: ECON 101

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần sẽ tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản liên quan tới tổ chức kinh doanh, lý thuyết giá cả, phân bổ nguồn lực, phân phối thu nhập, kinh tế công cộng.

This course is designed to provide business organization, price theory, allocation of resources, distribution of income, public economy.

9.11. Đại số và giải tích: Ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh (*Calculus for Business*)

Mã số - *Code*: MATH 115

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần tập trung vào phân tích hàm số, đạo hàm, tối ưu hóa, đồ thị, đạo hàm từng phần, số nhân Lagrange, tích phân và các ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh. Học phần tập trung vào các kỹ năng giải quyết vấn đề cụ thể.

This course focuses on functions, derivatives, optimization problems, graphs, partial derivatives. Lagrange multipliers, integration of functions of one variable. Applications to business and economics. Problem-solving techniques are also emphasized in the subject.

9.12. Tư duy phê phán (*Critical Thinking*)

Mã số - *Code*: PSYC 130

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Phát triển các kỹ năng cần thiết trong tư duy tích cực bao gồm nhận dạng và hiểu các sai lầm phổ biến, kỹ năng thuyết phục và tuyên truyền, chiến lược giải

quyết vấn đề và áp dụng kỹ năng tư duy tích cực trong các vấn đề phức tạp của cuộc sống hàng ngày.

This course helps students to develop crucial skills in critical thinking such as covering identifying and understanding common fallacies, recognizing techniques of persuasion and propaganda, problem solving strategies, and applying those skills to the complicated issues in daily life.

9.13. Lịch sử văn minh thế giới (*Regional and People of the World*)

Mã số - *Code*: SSCI 165

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Nghiên cứu, khảo sát các khu vực lớn trên thế giới với việc sử dụng khái niệm vật lý và văn hóa để giải thích về các vấn đề hoạt động của con người trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên.

The course is to designed to research and survey on major regions in the world with the utilization of general physical and cultural concepts to give explanation about patterns and problems of human activities in relation to natural environment.

9.14. Văn học thế giới (*Introduction to World Literature*)

Mã số - *Code*: CWL 100

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần này đưa ra sự phân tích các hình thức và nội dung của văn học. Tập trung và phương pháp đọc văn hư cấu, kịch và thơ ca.

The subject seeks to analyze of the forms and content of literature and focus on methodology of reading prose fiction, drama and poetry.

9.15. Giới thiệu về hệ thống máy tính và các ứng dụng (*Office Productivity*)

Software)

Mã số - Code:	IS 233
Số tín chỉ - Credit:	3
Điều kiện tiên quyết:	Không
Prerequisites:	None

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan tới việc sử dụng các ứng dụng máy tính cá nhân, chẳng hạn như Internet, email, Windows, soạn thảo văn bản, bảng tính và các ứng dụng cơ sở dữ liệu. Mục tiêu giúp cho sinh viên sử dụng thành thạo các ứng dụng máy tính phục vụ cho hoạt động kế toán và kinh doanh.

This course provides students basic knowledge of computers' applications, the Internet and e-mail, Windows, word processing, spreadsheet, and database applications; basic computer literacy. The purpose is to help students to use computers' applications skillfully in order to help accounting and business activities in the future.

9.16. Kế toán tài chính căn bản/ Kế toán 1 (Elementary Financial Accounting/ Introductory Accounting 1)

Mã số - Code	: ACCT 211
Số tín chỉ - Credit	: 3
Điều kiện tiên quyết	: Không
Prerequisites	: None

Học phần sẽ bao gồm một bài đánh giá sâu về chu kỳ kế toán, tập trung vào quá trình điều chỉnh và chuẩn bị các báo cáo tài chính. Học phần sẽ tập trung vào các khoản phải thu, hàng tồn kho, giá vốn hàng bán, tài sản, nhà máy và thiết bị, nợ, vốn chủ sở hữu và tỷ lệ tài chính và kỹ thuật để giải thích chất lượng thu nhập của các công ty nhà nước.

Course coverage will include an in-depth review of the accounting cycle, concentrating on the adjustment process and the articulation and preparation of the financial statements. The course will place emphasis on accounts receivable, inventory, cost of goods sold, property, plant and equipment, debt, equity and financial ratios and techniques to interpret the quality of earnings of publicly-held corporations.

9.17. Môi trường pháp lý và các quy định trong kinh doanh (Legal and

Regulatory Environment of Business)

Mã số - *Code*: BLAW 320

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần nghiên cứu các loại hình doanh nghiệp, luật lao động, luật đầu tư chứng khoán, luật bảo vệ môi trường, các vấn đề ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp và các vấn đề kinh doanh quốc tế. Đồng thời học phần cũng xem xét những tác động ảnh hưởng của yếu tố xã hội, văn hóa, kinh tế đến các loại hình doanh nghiệp trong nước và công ty đa quốc gia. Nghiên cứu các mối quan hệ giữa chính phủ và giới kinh doanh, các vấn đề đạo đức trong kinh doanh.

An examination of the forms of business organizations, employment law, securities law, environmental law, anti-trust issues, and international transactions. A consideration of the social, cultural and economic influences on domestic and multinational corporations. Exploration of the relationship of government to business. Introduction to business ethics.

9.18. Thống kê kinh doanh (*Introduction to Business Statistics*)

Mã số - *Code*: STAT 118

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: MATH 115

Prerequisites: MATH 115

Ứng dụng các giải pháp thống kê kinh doanh. Những nội dung chính bao gồm: thu thập và tổ chức dữ liệu, lý thuyết xác suất, xác định mức độ tập trung và phân kỳ, dự báo và kiểm định giải thuyết, hồi quy đơn giản, phân tích tương quan. Học phần này cũng sẽ giúp sinh viên khả năng sử dụng các phần mềm thống kê.

Application of statistics to business problems. Data collection and organization, probability theory, measures of central tendency and dispersion, hypothesis testing and estimation, simple regression, and correlation. Use of statistical software.

9.19. Địa lý kinh tế (*Introduction to Physical Geography*)

Mã số - *Code*: GEOG 140

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần này cung cấp phương pháp tiếp cận có hệ thống đối với môi trường thông qua các mối quan hệ giữa bầu không khí, đất đai, các dạng sống và nước. Các mối quan hệ này ảnh hưởng đến kinh tế các vùng miền.

Systematic approach to the physical environment of man stressing the relationships between the atmosphere, land, life forms and water. Four hours lecture and three hours laboratory. Materials fee required.

9.20. Môi trường toàn cầu (*The Global Environment*)

Mã số - *Code*: GEOG 101

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần này là một giới thiệu về môi trường tự nhiên của trái đất. Qua khóa học này, sinh viên sẽ học cách các quá trình khí quyển, thủy văn, địa chất và sinh thái khác nhau tương tác để tạo ra các mô hình và hiện tượng trong cảnh quan tự nhiên. Môn học này không có điều kiện tiên quyết, vì vậy sinh viên sẽ dành hơn một nửa thời gian học để hiểu các nguyên tắc cơ bản từ các khoa học khác có thể được hiểu từ một quan điểm không gian (địa lý). Một khi học sinh đã nắm vững các khái niệm này, khóa học sẽ chuyển sang phân tích các địa hình đặc thù và cảnh quan độc đáo ở những nơi khác nhau trên thế giới. Ngoài ra, khóa học cũng sẽ tập trung vào những cách mà các khu định cư của con người đều có ảnh hưởng và bị ảnh hưởng bởi môi trường tự nhiên.

This course is an introduction to the physical environment of the Earth. In this class, you will learn how various atmospheric, hydrological, geological and ecological processes interact to produce patterns and phenomena in the natural landscape. There is no prerequisite for this class, so we will spend more than half the class learning how basic principles from other sciences can be understood from a spatial (geographical) point of view. Once students have mastered these concepts, the course will turn toward analysis of specific landforms and unique landscapes in different parts of the world. Throughout the class, we will also focus on ways that human settlements both influence and are influenced by their natural environment.

9.21. Kinh tế quốc tế (*International Economics*)

Mã số - *Code*: ECON 372

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần này nghiên cứu tầm quan trọng của kinh tế quốc tế; Nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển và những đặc điểm mới của nền kinh tế thế giới, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế; nghiên cứu dòng vận động của các luồng hàng hóa và dịch vụ giữa một quốc gia với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác trong nền kinh tế thế giới; nghiên cứu những chính sách thương mại quốc tế nhằm điều tiết các dòng vận động này và tác động của các chính sách đó đến phúc lợi của quốc gia.

This course investigates the importance of international economics; learns about the process of development and major characteristics of the world economy as well as the content and feature of international economics relations; analyzes the factor movements of goods and services among nations and other regions in the world economy; investigates international trade policies in order to adjust the policy's impacts and other factor movements of the policy on welfare.

9.22. Kinh tế phát triển (Introduction to Development Economics)

Mã số - *Code:* ECON366

Số tín chỉ - *Credit:* 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Kinh tế phát triển là môn học thuộc hệ thống các môn kinh tế học, nghiên cứu nguyên lý phát triển kinh tế trong các điều kiện kém phát triển. KTPT dựa trên cơ sở các lý thuyết về phát triển được hệ thống hóa dưới dạng các mô hình lý luận, thực tiễn và những bài học kinh nghiệm trong quá trình phát triển kinh tế của các nước phát triển và đang phát triển để tìm ra những vấn đề mang tính quy luật, những xu hướng cơ bản của quá trình chuyển một nền kinh tế từ trạng thái phát triển thấp sang trạng thái phát triển cao hơn. Để có thể vận dụng được những nguyên lý cơ bản trong thực tiễn phát triển của các nước, học phần

điểm cụ thể của từng quốc gia trong từng giai đoạn phát triển nhất định. Môn học đặt mục tiêu nghiên cứu chính cho các nước đang phát triển, nhưng có sự phân tích, xử lý tình huống, vận dụng và đề xuất cụ thể đối với quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam.

Development Economics is the subject in a system of economics, which studies about the principles of economic development in underdeveloped conditions. Development Economics is based on developmental theories in order to find out the principles as well as the basic trends of transition from a low development status to a higher one. The course aims to study the developing countries in general, however

còn

the analysis, problem solving, specific applications are applied for the economic development of Vietnam in particular.

9.23. Tài chính kinh doanh (*Business Finance*)

Mã số - <i>Code</i> :	FIN 300
Số tín chỉ - <i>Credit</i> :	3
Điều kiện tiên quyết:	ECON 100, 101, MATH 115, ACCT 201.
<i>Prerequisite</i> :	<i>ECON 100, 101, MATH 115, ACCT 201.</i>

Đây là học phần giới thiệu về tất cả các yếu tố chính trong kinh doanh, việc áp dụng công nghệ thông tin và hệ thống quản lý thông tin trong các hoạt động tài chính như: (1) Đánh giá giá trị thời gian của Tiền vốn, Rủi ro, Chi phí vốn, Cơ cấu Vốn, (2) các phương thức huy động vốn (3) Các quyết định tài chính dài hạn (4) Các chính sách quản lý Vốn lưu động (5) các vấn đề liên quan khác như Sáp nhập, Phá sản, Tài chính Quốc tế.

An introductory course for all business majors, integrating computer applications and management information systems in the following areas of finance: (1) Time Value of Money, Risk, Valuation, Cost of Capital, Capital Structure; (2) Capital Budgeting; (3) Long -Term Financing Decisions; (4) Working Capital Policy and Management; (5) Financial Analysis and Planning; (6) Special topics including: Mergers, Bankruptcy.

9.24. Marketing (*Principles of Marketing*)

Mã số - <i>Code</i> :	MKTG 300
Số tín chỉ - <i>Credit</i> :	3
Điều kiện tiên quyết:	Không
<i>Prerequisite</i> :	<i>None</i>

Học phần sẽ tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa hệ thống marketing với các hoạt động khác trong doanh nghiệp; giữa các doanh nghiệp với môi trường marketing thế giới và nội địa; các tác động kinh tế và xã hội của hoạt động marketing; tác động hành vi con người lên marketing, giao tiếp, hệ thống thông tin, vấn đề quản trị và giải pháp.

Relation of marketing system to other activities in the firm. Firms and domestic and world marketing environments. Economic and social effects on marketing. Human behavior's effects on marketing, communications, information systems, management problems and their solutions.

9.25. Hành vi tổ chức (*Organizational Behavior*)

Mã số - <i>Code</i> :	HRM 360
-----------------------	---------

Số tín chỉ - <i>Credit</i> :	3
Điều kiện tiên quyết:	Không
<i>Prerequisite</i> :	<i>None</i>

Khái quát về sự thay đổi của hành vi con người trong tổ chức và những hàm ý đối với quản trị. Những vấn đề nghiên cứu bao gồm: những động lực, tính cách và thái độ, sự hiểu biết của con người, nhóm và đội, những tiêu chuẩn, sức mạnh và chính trị, xung đột, giao tiếp, thiết kế công việc, văn hoá tổ chức, sự thay đổi tổ chức, lãnh đạo và những vấn đề về văn hoá.

Overview of the dynamics of human behavior in organization and implications for management. Motivation, personality and attitudes, human perceptions, groups and teams, norms, power and politics, conflict, learning, communication, job design, organizational culture, organizational change, leadership and cross-cultural issues.

9.26. Kế toán quản trị (*Managerial Accounting*)

Mã số - <i>Code</i> :	ACCT 202
Số tín chỉ - <i>Credit</i> :	3
Điều kiện tiên quyết:	ACCT 201
<i>Prerequisites</i> :	<i>ACCT 201</i>

The course covers major areas of management accounting including introduction to managerial accounting, cost classifications, costing systems, Cost-Volume-Profit analysis, master budget, flexible budget. Experts and managers with critical knowledge in management accounting are able to make optimal decisions.

Học phần Kế toán quản trị giới thiệu những nội dung cơ bản về kế toán quản trị như khái niệm, bản chất về kế toán quản trị, phân loại chi phí, các phương pháp xác định chi phí và giá thành sản phẩm, phân tích mối quan hệ giữa chi phí – sản lượng và lợi nhuận, dự toán ngân sách doanh nghiệp. Những kiến thức quan trọng về kế toán quản trị giúp cho các chuyên gia kinh tế, nhà quản trị hiểu bản chất sự vận động của chi phí từ đó kiểm soát và giảm chi phí thấp nhất.

9.27. Kế toán 2 (*Introductory Accounting 2*)

Mã số - <i>Code</i> :	ACCT 212
Số tín chỉ - <i>Credit</i> :	3
Điều kiện tiên quyết:	Không

Prerequisites: None

Học phần sẽ bao gồm việc đánh giá sâu về các chuẩn mực kế toán tài chính, khung khái niệm về báo cáo tài chính, hệ thống thông tin kế toán và một số vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính như báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền mặt. Học phần sẽ tập trung vào kế toán, thời gian của tiền, tiền và phải thu, định giá hàng tồn kho, mua và bán tài sản, trang thiết bị, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

Course coverage will include an in-depth review of the financial accounting and accounting standards, conceptual framework for financial reporting, the accounting information system, and some issues related to the financial statements such as income statement, balance sheet and statement of cash flow. The course will place emphasis on accounting and the time of money, cash and receivables, valuation of inventories, acquisition and disposition of property, plant and equipment, liabilities and stockholder's equity.

9.28. Đạo đức học căn bản (Introductory Ethics)

Mã số - Code: PHIL 160

Số tín chỉ - Credit: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisite: None

Học phần đưa ra các khái niệm về đúng và sai, tốt và xấu, và áp dụng các nguyên tắc đạo đức cho các vấn đề của cuộc sống hàng ngày. Xây dựng các kế hoạch bài tập, các hoạt động, và thảo luận để phát triển tư duy phê phán bằng miệng và bằng văn bản, kỹ năng phân tích để bổ sung cho bài giảng.

Concepts of right and wrong, good and bad, and the application of moral principles to problems of everyday life. Planned exercises, activities, and discussion to develop oral and written critical thinking and analytical skills to complement lectures.

9.29. Đạo đức kinh doanh (Business Ethics)

Mã số - Code: PHIL 400

Số tín chỉ - Credit: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisite: None

Học phần nghiên cứu các bối cảnh đạo đức khác nhau có thể xảy ra trong tổ chức kinh doanh và đưa ra những khái niệm, công cụ để quản trị những xung đột này nhằm tạo giá trị tốt nhất cho cá nhân, tổ chức và xã hội.

Various types of ethical dilemmas that take place in business organizations and acquire concepts and tools needed to manage these complex value conflicts for the well being of individuals, organizations, and society.

9.30. Thị trường vốn (Capital Markets)

Mã số - Code:	FIN 360
Số tín chỉ - Credit:	3
Điều kiện tiên quyết:	FIN 300
Prerequisites:	FIN 300

Học phần nghiên cứu các công thức vốn, các chỉ số, thị trường và các tổ chức tài chính. Phân tích các dòng vốn và luân chuyển vốn, các cấu trúc lãi suất, rủi ro và tính thanh khoản. Môn học cũng sẽ nghiên cứu việc quản lý các tổ chức tài chính.

Capital formation, rates, markets and institutions. Flow of fund analysis, intermediation, interest rate structures, risks and liquidity. Management of financial institutions.

9.31. Kinh tế lượng và ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh (Econometrics with Application to Economics and Business)

Mã số - Code:	MATH 115B
Số tín chỉ - Credit:	3
Điều kiện tiên quyết:	Không
Prerequisites:	None

Học phần sẽ tập trung giới thiệu các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, phương pháp phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng để khai thác và phân tích các cơ sở dữ liệu kinh tế của Việt Nam và thế giới.

This course provides estimates, regression techniques, one variable regression model, understanding the technical and economic implications. Besides, this course provides students with analysis techniques using in economics, business administration based on the use of software application and analyze the economic databases of Vietnam and the World.

9.32. Kinh doanh quốc tế (International Business)

Mã số - Code:	CBA 300
Số tín chỉ - Credit:	3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần này giới thiệu bản chất, những khía cạnh khác nhau và môi trường của kinh doanh quốc tế. Nhấn mạnh vào các chức năng kinh doanh, thực hành, và các quyết định khi bị chi phối bởi các nhân tố tổ chức, xã hội, kinh tế, chính trị và văn hóa.

Introduction to nature, dimensions, and environment of international business. Emphasis on business functions, practices, and decisions as influenced by cultural, political, economic, social, and institutional factors in various parts of world. Diffusion of information technology.

9.33. Hệ thống thông tin quản lý (*Management Information Systems*)

Mã số - *Code:* IS 300

Số tín chỉ - *Credit:* 3

Điều kiện tiên quyết: IS 233

Prerequisites: IS 233

Khái niệm và các bộ phận cấu thành hệ thống thông tin, sự vận dụng trong các tổ chức đương đại, sự phát triển và quản lý hệ thống thông tin và các xu hướng tương lai trong hệ thống thông tin và công nghệ. Các dự án theo nhóm máy tính yêu cầu thống nhất và vận dụng dựa trên hiểu biết về khái niệm và kỹ thuật hệ thống thông tin trong môi trường kinh doanh.

Information systems concepts and components, contemporary organizational applications, development and management of information systems, and future trends in information systems and technologies. Computer - based team projects requiring the integration and application of conceptual and skills - oriented information systems knowledge in a business environment.

9.34. Giao tiếp kinh doanh (*Business Communication*)

Mã số - *Code:* IS 301

Số tín chỉ - *Credit:* 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần tập trung nghiên cứu những nguyên tắc thu thập, tổ chức, phân tích và trình bày các thông tin kinh doanh. Các vấn đề cơ bản của giao tiếp và giải quyết tình huống trong quá trình quản trị kinh doanh cũng sẽ được đề cập.

Analysis of principles of collecting, organizing, analyzing, and presenting business information. Written and oral communications involving problem solving in

the business management process.

9.35. Nguyên lý quản trị (*Principles of Management*)

Mã số - *Code*: MGMT 300

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisite: None

Học phần giới thiệu về chức năng quản trị với các lý thuyết và khái niệm cơ bản của quản trị như lên kế hoạch, tổ chức, vai trò lãnh đạo và kiểm soát. Học phần cũng hệ thống lại những cải cách trong suy nghĩ của nhà quản trị, chức năng và thực tế quản trị đang được quan tâm trong môi trường hiện nay cũng như làm rõ các khái niệm mới phát sinh trong môi trường kinh doanh hiện đại.

Principles and theories of management, organization theory, planning and control techniques. Management of the overall organization and the production/operation systems of organizations.

9.36. Nguyên lý đầu tư (*Investment Principles*)

Mã số - *Code*: FIN 350

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: FIN 300

Prerequisites: FIN 300

Học phần nghiên cứu về các thị trường đầu tư và các giao dịch, nguồn thông tin của các hoạt động đầu tư và tư vấn, vấn đề lợi nhuận và rủi ro, kinh doanh chênh lệch giá và các hoạt động bán khống, lập kế hoạch đầu tư, đầu tư chứng khoán và các giấy tờ có giá, đầu tư các khoản đầu tư được miễn giảm thuế, vàng và các tài sản hữu hình khác, quản lý danh mục đầu tư. Ngoài ra, môn học còn ứng dụng các công nghệ tin học trong các lĩnh vực nêu trên, bao gồm cả cách tiếp cận các nguồn thông tin dữ liệu sẵn có của các nhà đầu tư.

Investment markets and transaction; sources of investment information and advice; return vs. risk; margin trading and short selling; investment planning; investing in equities and fixed income securities; speculative tax-sheltered investments; gold and other tangibles; portfolio management. Demonstrations and use of microcomputer technology in the above areas, including accessing various databases available to the investor.

9.37. Quản trị tài chính (*Intermediate Financial Management*)

Mã số - *Code*: FIN 400

Số tín chỉ - <i>Credit</i> :	3
Điều kiện tiên quyết:	FIN 300, ACCT 310 hoặc 320, IS 301
<i>Prerequisites</i> :	<i>FIN 300 and ACCT 310 or 320, IS 301</i>

Đây là học phần ở mức độ nâng cao về quản trị tài chính, kết hợp với các ứng dụng của công nghệ tin học và hệ thống thông tin quản lý vào các lĩnh vực quản trị tài chính. Học phần nghiên cứu một tình huống và yêu cầu sử dụng máy vi tính và phần mềm thích hợp để phân tích và đánh giá. Các nội dung chính bao gồm: đảm bảo mức tiền mặt, nguồn huy động vốn, sự kết hợp trong kinh doanh, sáp nhập, chi phí vốn, và các hoạt động tài chính quốc tế.

An intermediate level course in financial management integrating computer applications and management information systems into the area of financial functions and decisions. The course is primarily a case study and requires use of the computer and appropriate software. The main areas of concentration are: cash budgeting, capital budgeting, business combinations and mergers, cost of capital, and international finance.

9.38. Quản trị ngân hàng thương mại (*Commercial Bank Management*)

Mã số - <i>Code</i> :	NEUFIN 200
Số tín chỉ - <i>Credit</i> :	3
Điều kiện tiên quyết:	Không
<i>Prerequisites</i> :	<i>None</i>

Học phần Quản trị ngân hàng thương mại đề cập đến các hoạt động kinh doanh ngân hàng, một lĩnh vực kinh doanh thường xuyên đổi mới trong những năm gần đây, nhằm thích ứng với những điều kiện kinh tế năng động và những điều chỉnh của luật pháp. Học phần tập trung vào các phương tiện quản trị ngân hàng thương mại, đề cập đến việc vận hành các nguyên tắc và kỹ thuật đối với các ngân hàng thương mại trong quá trình thực hiện các chức năng của chúng. Bên cạnh việc phân tích các kỹ năng quản trị ngân hàng hiện đại của từng ngân hàng, nội dung môn học còn nhấn mạnh ý nghĩa và tầm quan trọng mang tính xã hội và vai trò của tiền tệ trong hệ thống ngân hàng thương mại hiện đại.

This course discusses bank's operations, one of the innovative industries in recent time, in order to keep up with the dynamic economy and legal regulations. This course focuses on techniques used in bank financial management and operating principles. Along with analysis of management principles, this course also emphasizes the social importance and the role of money in the modern commercial bank system.

9.39. Nguyên lý kinh doanh bất động sản (*Real Estate Principles*)

Mã số - <i>Code</i> :	FIN 340
Số tín chỉ - <i>Credit</i> :	3
Điều kiện tiên quyết:	Không
<i>Prerequisites</i> :	<i>None</i>

Học phần cung cấp tổng quan về thị trường bất động sản, định chế và hoạt động từ quan điểm của người ra quyết định liên quan tới phát triển bất động sản, đầu tư tài chính và vốn cổ phần. Khảo sát những nghiên cứu mang tính nền tảng về luật pháp, quản lý, điều chỉnh kinh tế, tính toán và thuế ảnh hưởng tới quyết định về bất động sản và giá trị bất động sản. Xem xét các lĩnh vực hỗ trợ và quyết định liên quan đến bất động sản gồm: môi giới, quản lý bất động sản, thẩm định giá và tư vấn.

Overview of real estate markets, institutions and activities from the perspective of the decision makers involved in real estate development, financing and equity investment. The fundamental physical, legal, regulatory, economic, mathematical and taxation considerations influencing real estate decision and values are investigated. The real estate decision support areas of brokerage, property management, appraisal and counseling are examined.

9.40. Nguyên lý bảo hiểm (*Insurance Principles*)

Mã số - <i>Code</i> :	FIN 330
Số tín chỉ - <i>Credit</i> :	3
Điều kiện tiên quyết:	Không
<i>Prerequisites</i> :	<i>None</i>

Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản liên quan đến yếu tố rủi ro và sự cần thiết của hoạt động bảo hiểm, các nhu cầu của các cá nhân đối với bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm tài sản. Các loại hình thị trường bảo hiểm và các nhà cung cấp dịch vụ, các mô hình tổ chức và chức năng của nhà cung cấp dịch vụ bảo hiểm, các quy định có liên quan đến hoạt động này.

Principles of risk-bearing and insurance; life and property-liability insurance needs of the individual. Types of carriers and insurance markets; organization and functions of carriers; industry regulation.

9.41. Chứng khoán thu nhập cố định (*Fixed Income Securities*)

Mã số - <i>Code</i> :	FIN 485
Số tín chỉ - <i>Credit</i> :	3
Điều kiện tiên quyết:	FIN 350
<i>Prerequisites</i> :	<i>FIN 350</i>

Học phần phân tích những chứng khoán thu nhập cố định, chứng khoán thu nhập cố định quyền chọn và chứng khoán phái sinh. Học phần nghiên cứu phương pháp phân tích thời gian và độ lồi, phương pháp sử dụng chỉ số dao động stochastic lãi suất và các phương pháp nghiên cứu khác. Học phần cũng sẽ giới thiệu các phương thức mới của các chứng khoán thu nhập cố định, các loại trái phiếu có bảo đảm, các chứng khoán bảo đảm bằng tài sản và kỹ thuật kinh doanh chênh lệch lãi suất.

The course analyzes fixed income securities, option embedded fixed income securities and interest rate derivatives. Usual duration and convexity analysis, and the interest rate stochastic processes and other forecasting techniques will be studied. New breeds of fixed income securities, various collateralized bond obligations and other asset backed securities, and interest rate arbitrage techniques will be introduced.

9.42. Quản lý vốn lưu động và lập kế hoạch ngân quỹ (*Working Capital Management and Cash Budgeting*)

Mã số - Code: FIN 370

Số tín chỉ - Credit: 3

Điều kiện tiên quyết: FIN 300

Prerequisite: FIN 300

Học phần giới thiệu về quản lý vốn lưu động và chính sách nói chung và cách quản lý tài sản và nợ ngắn hạn nói riêng. Dự đoán và lập ngân sách tiền mặt, đầu tư ngắn hạn và hoạt động tài chính sẽ được nghiên cứu trong Học phần.

An introduction to working capital management and policy issues in general and how to manage short-term assets and liabilities in particular. Cash forecasting and budgeting and short-term investing and financing will be the focus of the course.

9.43. Tài chính cá nhân (*Personal Finance*)

Mã số - Code: FIN 310

Số tín chỉ - Credit: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Prerequisites: None

Học phần nghiên cứu những kiến thức về tài chính cá nhân trên các khía cạnh: Lập kế hoạch tài chính cá nhân; xây dựng ngân sách chi tiêu; tín dụng cá nhân và các sản phẩm tài chính; thiết lập danh mục đầu tư tài sản để từng cá nhân bảo đảm thanh khoản tối ưu hóa các mục tiêu tài chính hoạch định. Ngoài ra, các biện pháp và công cụ quản trị rủi ro tài chính cá nhân được giới thiệu thông qua học phần.

Modern money management with discussion of budgeting, banking, real estate, insurance, consumer credit, retirement, and estate planning. The course also examines the identification of risk exposures and the various tools used to address these risks.

9.44. Tài chính quốc tế (*International Finance*)

Mã số - *Code*: FIN 490

Số tín chỉ - *Credit*: 4

Điều kiện tiên quyết: FIN 300, IS 301

Prerequisites: FIN 300; suggested, CBA 300; IS 301

Học phần nghiên cứu các lý thuyết kinh doanh quốc tế, thanh toán quốc tế, sự biến động giá trị các loại tiền tệ và tỷ giá, các thị trường vốn quốc tế, vai trò của các nước đang phát triển, các tổ chức quốc tế, các công ty đa quốc gia. Học phần cũng yêu cầu sinh viên phải tự nghiên cứu tài liệu.

International trade theories, international payments; currency value fluctuations and exchange rates; international capital markets; roles of developing countries; international institutions and multi-national enterprises. Individual research required.

9.45. Phân tích danh mục đầu tư (*Portfolio Analysis*)

Mã số - *Code*: FIN 450

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: FIN 350

Prerequisites: FIN 350

Học phần ứng dụng việc sử dụng công nghệ tin học và phần mềm trong phân tích chứng khoán như phân tích trái phiếu và thị trường trái phiếu, cổ phiếu và thị trường cổ phiếu, định giá chứng khoán, phân tích các yếu tố thị trường và kỹ thuật, quản lý danh mục đầu tư, phân tích mối quan hệ rủi ro – lợi nhuận. Hệ thống các chương trình phần mềm có thể sử dụng để phân tích tất cả các khía cạnh của chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư, bao gồm cả việc tiếp cận và sử dụng một số các cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc phân tích đầu tư.

Use of microcomputer technology to perform security analysis including bonds and the bond market, stocks and the stock market, security valuation, fundamental and technical analysis, portfolio management and risk-reward relationships.

A review of the various microcomputer software programs available to perform all aspects of security analysis and portfolio management, including

accessing and utilization of the numerous databases available to the investment analyst.

9.46. Chiến lược và chính sách kinh doanh (*Business Strategy and Policy*)

Mã số - Code :	MGMT 425
Số tín chỉ - Credit:	3
Điều kiện tiên quyết:	ACCT 202, FIN 300, MGMT 300, MKTG 300, IS 301
Prerequisite:	ACCT 202, FIN 300, MGMT 300, MKTG 300, IS 301

Học phần tập trung vào việc vận dụng các lý thuyết và kỹ năng từ các học phần kinh doanh khác. Học phần sử dụng phương pháp chủ yếu là nghiên cứu điển hình và những giả định kinh doanh để hình thành nên các chiến lược kế hoạch kinh doanh. Sinh viên phải viết báo cáo về chiến lược kinh doanh.

Integration and application of knowledge theories and techniques derived from the study of business disciplines. Use of the case method and business simulations to formulate business strategies and plans. Written reports required.

9.47. Chứng khoán Phái sinh (*Derivates*)

Mã số - Code:	FIN 480
Số tín chỉ - Credit:	3
Điều kiện tiên quyết:	FIN 350
Prerequisites:	FIN 350

Học phần nghiên cứu về thị trường tương lai bao gồm cả những phân tích về trung tâm giao dịch, về các hoạt động của các thành viên của thị trường, về cơ chế giao dịch, cách thức xây dựng và phân tích mức chấp nhận rủi ro của các cá nhân đầu tư và thảo luận về những yếu tố truyền thống trong các quyết định đầu tư chẳng hạn như xây dựng danh mục đầu tư 2 tài sản. Ngoài ra, học phần còn nghiên cứu các ví dụ mang tính lý thuyết về vấn đề mang tính chủ quan trong nhận định về giá cả của các hợp đồng tương lai, các lý thuyết về chi phí giao dịch, hành vi của những nhà đầu cơ và về những biến động tự nhiên của giá hợp đồng tương lai.

The study of futures markets includes an analysis of the exchanges, the operation of member firms, the mechanics of trading, the construction of a personal-risk profile analysis and the discussion of traditional decision variables, including the construction of a 2-asset portfolio. Included is a solid theoretical examination of the question of bias in futures prices, the theory of the price of storage, ledger and speculator behavior, and the stochastic nature of the futures prices.

9.48. Chuyên đề về tài chính (*Seminar in Financial Management*)

Mã số - *Code*: FIN 470

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: FIN 400

Prerequisites: FIN 400

Học phần này sẽ giới thiệu cho sinh viên những nghiên cứu điển hình thực tế về các khía cạnh khác nhau của việc định giá và cơ cấu tài chính, bao gồm dự báo dòng tiền, dự đoán tỷ suất chiết khấu, định giá công ty và cơ cấu tài chính. Các chủ đề tài chính đặc biệt ở Việt Nam sẽ được áp dụng trong các hoạt động này như: phân tích tài chính, định giá trái phiếu, định giá cổ phần, lập ngân sách theo quỹ, ... Các sinh viên làm việc theo nhóm để tìm ra các giải pháp nghiên cứu tình huống.

This seminar exposes students to real world case studies covering various aspects of valuation and financial structuring, including cash flow forecasting, discount rate estimation, firm valuation, and financial structuring. Special financial topics in Viet Nam will be applied in this course such as: financial analysis, bond valuation, stock valuation, capital budgeting,..... The students work in teams to come up with case study solutions which they present in class

9.49. Phân tích và quản trị tín dụng (*Credit Analysis and Management*)

Mã số - *Code*: FIN 4345

Số tín chỉ - *Credit*: 3

Điều kiện tiên quyết: NEUFIN 200

Prerequisites: NEUFIN 200

Học phần này tập trung vào các chức năng cho vay chính của các định chế tài chính, đánh giá và phân tích tín dụng, xây dựng và quản lý chính sách cho vay, sự phát triển và tiếp thị sản phẩm mới trong ngành dịch vụ tài chính. Học phần bao gồm tất cả các khía cạnh chính của nghề nghiệp và quản lý trong việc cho vay đối với khách hàng - hoạt động chính cho thu nhập và sự đóng góp của các ngân hàng thương mại. Nó bao gồm hai phần chính: phân tích tín dụng từ 6Cs, khía cạnh tài chính và phi tài chính của khách hàng; quản lý tín dụng bằng kỹ thuật, quản lý các khoản nợ khó đòi, cho vay trả góp tiêu dùng, và các khoản phải thu các khoản phải thu cho các khoản cho vay đầu tư.

This course focuses on the core lending functions of financial institutions, credit assessment and analysis, lending policy formulation and management, and the rise of new product development and marketing in the financial services sector. The course covers all key aspects of professions and management in lending to customers – the key activity for income earning and operations of commercial banks. It

includes two major parts : the credit analysis from 6Cs, financial and non-financial aspects of customers ; to credit management with techniques, management of problem loans, consumer instalment loans, and account receivable loans to investment loans.

9.50. Thực hành quản trị danh mục đầu tư (*Applied Portfolio Management*)

Mã số - <i>Code</i> :	FIN499 A-B
Số tín chỉ - <i>Credit</i> :	3
Điều kiện tiên quyết:	FIN 350, 400, 450
<i>Prerequisites</i> :	<i>FIN 350, 400, 450</i>

Học phần sẽ yêu cầu sinh viên tham gia quản lý một danh mục đầu tư thật. Các nghiên cứu, giám sát và phân tích chứng khoán cũng như những kiến nghị về mua và bán của các nhà đầu tư – sinh viên sẽ được thực hiện bởi công nghệ phần mềm và dịch vụ thông tin online. Kết hợp với các báo cáo tài chính định kỳ nửa năm về các hoạt động của quỹ đầu tư. Học phần đòi hỏi sự phân tích thị trường, phân tích ngành, và phân tích doanh nghiệp với sự thuyết trình của cá nhân và nhóm nghiên cứu, đồng thời kết hợp với các nghiên cứu khác từ bên ngoài.

Participation in the management of an actual investment portfolio. Research, monitor, and analyze securities and make buy and sell recommendations for a student-managed investment fund utilizing state-of the-art computer software and on-line information data retrieval services. Contribute to the publication of a semi-annual report of the activities of the fund. Market, sector and firm analysis with individual and group presentations and outside research required.

9.51. Chuyên đề thực tập (*Final Thesis*)

Học phần điều kiện cần học theo sự chỉ dẫn của giáo viên. Các vấn đề nghiên cứu thêm do sinh viên lựa chọn theo sở thích và những vấn đề tài chính đang được quan tâm nhằm nâng cao sự nghiên cứu của sinh viên.

Students select a research topic of their choice in the area of finance and/or hot topics in finance in order to increase the student's research skills.

Ngày..... tháng.... năm.....

VIỆN NGÂN HÀNG – TÀI CHÍNH

HIỆU TRƯỞNG